

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2023
V/v Ly hôn.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Sang**.

2/ Ông **Tạ Quang Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cum A** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ML, MK, PĐ, CT.

- **Bị đơn:** Ông **Võ Bá T1**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: NL1, PĐ, PĐ, CT.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:**

Bà và ông Võ Bá T1 qua tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1995, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NA, PĐ, CT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/2005, quyển I ngày 05/7/2005.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc ông T1 quan tâm chăm sóc vợ con, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T1 không còn chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên ăn chơi. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Bá T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Thùy Tr (nữ), sinh ngày 16/9/1995 và Võ Thị Huyền A (nữ), sinh ngày 15/3/2005. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Võ Bá T1 trình bày:*

Ông và bà T có chung sống vợ chồng từ năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NA, PĐ, CT. Trong thời gian chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 11/2022 thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình bên vợ, ông bất đồng với gia đình bên vợ nên hiện nay ông và bà T đã sống ly thân. Nay, bà T có đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Thùy Tr (nữ), sinh ngày 16/9/1995 và Võ Thị Huyền A (nữ), sinh ngày 15/3/2005. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn cương quyết ly hôn do hiện nay bà không còn tình cảm với ông T1, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T1 không còn chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên ăn chơi; về con chung đã trưởng thành; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T1 không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con; về con chung đã trưởng thành; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin ly hôn ông Võ Bá T1 nên đây là vụ án ly hôn được pháp luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Võ Bá T1 đang cư trú tại ấp NL1, PĐ, PĐ, CT nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ Bá T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1995, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NA, PĐ, CT nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà T và

ông T1 đã có thời gian chung sống vợ chồng từ năm 1995, trong thời gian chung sống giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn như không có tiếng nói chung, ông T1 không còn chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên ăn chơi. Nay bà T khai nhận là không còn tình cảm với ông T1 nên bà cương quyết xin ly hôn. Phía ông T1 cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, hiện nay ông và bà T đã sống ly thân nhưng ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ con. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, phía ông T1 không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T1 cũng không đưa ra phương án đoàn tụ vợ chồng.

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân phải có sự đồng thuận tự nguyện từ hai phía; bà T cương quyết ly hôn, còn ông T1 không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay bà T và ông T1 đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân của bà T và ông T1 không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 khai thống nhất ông bà có hai con chung là Võ Thị Thùy Tr (nữ), sinh ngày 16/9/1995 và Võ Thị Huyền A (nữ), sinh ngày 15/3/2005. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 đều khai thống nhất, ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Bá T1.

- *Về con chung:* Đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007803 ngày 14/3/2023 thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THADS H. Phong Điền;
- UBND xã NA (nơi ĐKKH
GCNKH số 181 Q1 ngày 05/7/2005);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà